TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2017/DS-ST
Ngày: 17/10/2017.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Chí Tâm.

Bà: Võ Hân Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST – DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-DS ngày 18/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Thanh P, sinh năm 1985 *(Có mặt).*

*Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường C, thị xã D, tỉnh Sóc Trăng***.**

- Bị đơn: Ông Lê Thành K, sinh năm 1988 *(Có mặt).*

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường C, thị xã D, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Ngọc H (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường C, thị xã D, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1961 *(Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).*

2. Bà Lý Tố M, sinh năm 1981 *(Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).*

*Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường C, thị xã D, tỉnh Sóc Trăng***.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đoàn Thanh P trình bày như sau:

Trong năm 2017, ông có cho vợ chồng ông K, bà H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau: *Lần 01: Cho vay 2.000.000 đồng, vào ngày 22/04/2017. Lần 02: Cho vay 3.000.000 đồng, vào ngày 27/04/2017. Lần 03: Cho vay 2.000.000 đồng, vào ngày 28/04/2017. Lần 04: Cho vay 1.000.000 đồng, vào ngày 29/04/2017. Lần 05: Cho vay 2.000.000 đồng, vào ngày 06/05/2017. Lần 06: Cho vay 2.000.000 đồng, vào ngày 09/05/2017. Lần 07: Cho vay 2.000.000 đồng, vào ngày 11/05/2017. Lần 08: Cho vay 2.000.000 đồng, vào ngày 19/05/2017. Lần 09: Cho vay 2.400.000 đồng, vào ngày 30/05/2017. Lần 10: Cho vay 5.000.000 đồng, vào ngày 04/06/2017. Lần 11: Cho vay 3.000.000 đồng, vào ngày 10/06/2017. Lần 12: Cho vay 2.200.000 đồng, vào ngày 10/06/2017.*

Như vậy, từ ngày 22/04/2017 đến ngày 10/6/2017 vợ chồng ông K, bà H có vay của ông tổng số tiền là 28.600.000 đồng, khi vay ông có thỏa thuận khi nào ông cần tiền thì ông lấy lại. Sự việc ông K, bà H vay tiền ông thì có cha ruột ông tên Đoàn Văn B và vợ ông tên Lý Tố N, cùng địa chỉ: Khóm A, Phường C, thị xã D, tỉnh Sóc Trăng biết, chứng kiến sự việc.

Kể từ ngày vay cho đến ngày hôm nay thì ông K, bà H không có trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho ông, ông đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông K, bà H trả nợ nhưng ông, bà vẫn cố tình không trả, cứ hứa lần này đến lần khác cho qua chuyện.

Việc vay tiền do vợ chồng ông K và bà H trực tiếp lên nhận, vay bao nhiêu thì bà H cũng biết, chứ ông K trình bày bà H không biết là không đúng. Vợ chồng vay tiền làm gì ông cũng không biết.

Tại phiên tòa hôm nay ông P trình bày, ông cho ông K và bà H vay không có thỏa thuận lãi. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét, giải quyết buộc ông K và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vốn đã vay là 28.600.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất.

- Tại biên bản hòa giải, tờ tường trình, bị đơn ông Lê Thành K trình bày:

Ông thống nhất hiện tại còn thiếu ông P số tiền 28.600.000 đồng, tuy nhiên phần tiền này là do ông vay riêng, không liên quan gì đến vợ ông hết, ông sẽ tự chịu trách nhiệm đối với số tiền này, do ông giới thiệu người ta vay lại kiếm tiền lời, nhưng những người kia đã giựt ông bỏ đi hết rồi. Ông còn thiếu ông P số tiền nêu trên thì ông vẫn đồng ý chịu trách nhiệm. Trong quá trình ông vay tiền của ông P thì chỉ có 01 lần ông mượn vợ ông lên lấy dùm số tiền 3.000.000 đồng, còn các lần vay tiền còn lại thì ông trực tiếp lên nhận. Nay ông đồng ý trả cho ông P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 28.600.000 đồng.

Tại phiên tòa ông K trình bày, vợ chồng ông chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì hết, ông vay tiền của ông P là sử dụng riêng, không có chi phí cho gia đình; trước đây vợ ông có đến nhận của ông P số tiền 3.000.000 đồng thay ông; vợ ông không liên quan gì hết, ông tự chịu trách nhiệm trả cho ông P số tiền ông thiếu.

- Tại biên bản hòa giải, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Ngọc H trình bày:

Bà không biết gì hết, số tiền này là do chồng bà vay mượn riêng, sử dụng riêng nên bà không biết và không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn, chồng bà vay thì tự chịu trách nhiệm.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thanh P, buộc vợ chồng ông K và bà H trả cho ông P số tền vốn 28.600.000 đồng và không tính lãi suất. Ông K và bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; ông P không phải chịu tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Ngọc H vắng mặt không có lý do, người làm chứng ông ông Đoàn Văn B, bà Lý Tố N đều vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của những người vừa nêu không gây cản trở cho việc xét xử, nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu trên.

[2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định, ông Lê Thành K có vay của ông tổng cộng là 12 lần, với tổng số tiền là 28.600.000 đồn; nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Ngọc H trả số tiền còn thiếu. Phía bị đơn ông K cũng thừa nhận có vay tiền và còn thiếu ông P số tiền 28.600.000 đồng như lời ông P trình bày.

[3] Xét thấy, bị đơn ông K thừa nhận có vay tiền và còn thiếu nguyên đơn số tiền 28.600.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, HĐXX xác định phía bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và còn thiếu số tiền 28.600.000 đồng.

[4] Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông P với ông K là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp về hình thức, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự , phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 119, 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng đến nay ông K vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ cho ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên ông P yêu cầu ông K trả số tiền còn thiếu là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Ông P không yêu cầu tính lãi suất, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về nghĩa vụ liên đới: Ông P yêu cầu ông K và bà H cùng liên đới trả số tiền còn thiếu. Tuy nhiên, ông K cho rằng ông vay tiền của ông P là sử dụng riêng, không

có chi phí cho gia đình; còn bà H thì cũng cho rằng ông K vay của ông P là vay mượn riêng, sử dụng riêng nên bà không biết và không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Thấy rằng, việc ông K vay tiền của ông P là trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K với bà H, vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì, nên chi phí trong thời kỳ hôn nhân phát sinh nợ thì vợ chồng cùng có nghĩa vụ liên đới; hơn nữa, ông K có kêu bà bà H đến nhận tiền từ ông P, nên biết rõ chồng mình có nợ tiền ông P. Mặt khác, các bên đương sự không có chứng cứ nào chứng minh ông K vay tiền của ông P là nhằm mục đích làm ăn không hợp pháp; vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới cùng thanh toán số nợ do vợ chồng làm ăn hợp pháp gây ra . Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông K và bà H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền vốn như vừa nhận định ở phần trên.

[7] Việc ông K yêu cầu trả mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn thiếu, việc này ông P không đồng ý, nên không có căn cứ để chấp nhận, HĐXX chỉ tuyên buộc ông K và bà H cùng liên đới trả cho ông P tổng số tiền vốn còn thiếu theo quy định của pháp luật.

[8] Về lãi suất chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Ông Lê Thành K và bà Ngô Ngọc H phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận. Ông Đoàn Thanh P không phải chịu tiền án phí.

[10] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX chấp nhận yêu khởi kiện của ông Đoàn Thanh P, buộc vợ chồng ông K và bà H trả cho ông P số tền vốn 28.600.000 đồng và không tính lãi suất. Ông K và bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; ông P không phải chịu tiền án phí. Xét thấy, đề nghị trên của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có căn cứ như vừa nhận định ở phần trên, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Buộc ông Lê Thành K và bà Ngô Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Thanh P số tiền vốn vay là 28.600.000 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) và không phải trả tiền lãi.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Đoàn Thanh P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông K và bà H còn phải trả lãi cho ông P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền vốn chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Thành K và bà Ngô Ngọc H phải chịu 1.430.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đoàn Thanh P được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 715.000 đồng, theo biên lai thu số 0007995, ngày 30/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự; người đại diện UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Toàn